

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HS-ST
Ngày 04 - 7 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Tiến Thần

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2024 đối với:

I. Các bị cáo:

1. Đỗ Phúc C, sinh ngày 01/4/1980 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay: thôn N, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Đỗ Phúc C1 (đã chết); mẹ đẻ: Tạ Thị D, sinh năm 1940; vợ là Trần Thị N, sinh năm 1985 (là bị cáo trong cùng vụ án); có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 24/01/2024 (Có mặt).

2. Trần Thị N, sinh ngày 23/3/1985 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình;

chỗ ở hiện nay: thôn N, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Trần Đức T, sinh năm 1958; mẹ đẻ: Phạm Thị T1, sinh năm 1961; chồng là Đỗ Phúc C, sinh năm 1980 (là bị cáo trong cùng vụ án); có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 24/01/2024 (Có mặt).

II. Bị hại: Công ty A1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn T2** - Giám đốc Công ty A1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Bùi Cao T3** - Giám sát cấp cao.

Địa chỉ: Văn phòng A2, tầng 3 Tòa nhà A, số C, đường L, phường K, quận T, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

III. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị C2** (tên gọi khác: **D**), sinh năm 1986.

Địa chỉ: thôn N, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Phúc C làm tiếp thị, buôn bán bánh kẹo tạp hoá nên biết thị trường trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn người dân có nhu cầu cao sử dụng mì chính. Đầu tháng 01/2024, C bàn với vợ là Trần Thị N mua mì chính Trung Quốc về nhà, làm giả mì chính của Công ty A1 để bán kiếm lời. Lúc đầu N có can ngăn, nhưng sau lại tham gia cùng C sản xuất mì chính giả.

Cương mua của ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1960, trú tại tổ I, phường B, thành phố T 1.825 kg mì chính do Trung Quốc sản xuất đóng trong 73 bao, mỗi bao nặng 25 kg, giá 40.000 đồng/kg, tổng hết 73.000.000 đồng; Mua các loại vỏ gói mì chính AJINOMOTO giả loại 454g và loại 1 kg của người không biết tên, tuổi địa chỉ ở chợ R thành phố N hết 8.290.000 đồng; mua 01 máy ép nhiệt của người không biết tên, tuổi địa chỉ ở khu vực chợ B thành phố T và dùng 01 cân đĩa loại 05 kg, 05 chậu nhựa, 02 vỏ chai nhựa loại 1,5 lít làm dụng cụ chia mì chính. Để đóng gói mì chính, C cắm máy ép nhiệt vào ổ điện, bật máy, bóc đầu bao mì chính Trung Quốc đổ mì chính ra chậu, cắt 02 vỏ chai nhựa làm ca để N, C múc mì chính từ chậu đổ vào vỏ gói mì chính rồi đặt lên cân đĩa, điều chỉnh

lượng mì chính đủ với khối lượng ghi trên vỏ gói sau đó dùng hai tay cầm miệng gói đặt vào máy ép nhiệt, dùng chân đạp vào bàn đạp của máy để hàn miệng gói thành gói mì chính nhãn hiệu AJINOMOTO. Tính từ đầu tháng 01/2024 đến ngày 20/01/2024, C và N đã làm thành phẩm 1.083 gói mì chính AJINOMOTO giả, tổng khối lượng 689,334 kg (trong đó 721 gói loại 454g, 362 gói loại 1 kg), tương đương giá trị hàng thật là 47.685.000 đồng. Cách thức đóng 60 gói loại 454g vào 01 bao tải được 12 bao tải; đóng 35 gói loại 1 kg vào 01 bao tải, được 10 bao tải. Còn lại 64 gói loại 454g chưa kịp hàn nhiệt đầu gói. Cương tìm mỗi bán số mì chính trên cho chị Nguyễn Thị C2, sinh năm 1986, chủ cửa hàng tại thôn N, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình nói dối là mì chính AJINOMOTO loại 2 giá rẻ bán với giá 22.000 đồng/1 gói loại 454g và 50.000 đồng/1 gói loại 1 kg, không nói cho chị C2 biết đó là mì chính AJINOMOTO giả. Sáng ngày 15/01/2024, C điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 17C-109.50 chở mì chính đến bán cho chị C2 01 bao tải chứa 60 gói loại 454g và 01 bao tải chứa 35 gói loại 1 kg, chị C2 trả cho C 3.070.000 đồng. Chiều ngày 19/01/2024, C điều khiển xe ô tô tải chở mì chính đến bán cho chị C2 01 bao tải chứa 60 gói loại 454g, chị C2 trả cho C 1.320.000 đồng. Sáng ngày 20/01/2024, C điều khiển xe ô tô tải chở mì chính đến bán cho chị C2 06 bao tải chứa 210 gói loại 1kg, chị C2 trả cho C 10.500.000 đồng. Chị C2 đã bán được 148 gói mì chính giả AJINOMOTO (96 gói loại 454g với giá 27.000 đồng/gói, 52 gói loại 1 kg với giá 57.000 đồng/gói).

Chiều ngày 20/01/2024, C điều khiển xe ô tô tải chở 05 bao tải chứa 300 gói mì chính loại 454g đến bán cho chị C2. Đến nơi, chị C2 yêu cầu C bốc mì chính vào để ở nhà anh Hoàng Văn T4, sinh năm 1980 (em chồng C2) đối diện nhà chị C2. Cương đã bốc 03 bao tải chứa 180 gói mì chính giả AJINOMOTO vào để ở phòng khách nhà anh Hoàng Văn T4. Khoảng 13 giờ 20 phút ngày 20/01/2024, C đang tiếp tục bốc mì chính vào nhà ông T4 thì bị Tổ công tác của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T bắt quả tang; khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đỗ Phúc C, thu giữ:

+ 418 gói mì chính AJINOMOTO giả = 253,654 kg (301 gói loại 454g, 117 gói loại 1 kg).

+ 64 gói mì chính AJINOMOTO giả = 29,056 kg (loại 454g, chưa hàn nhiệt đầu gói).

+ 44 bao xác rắn màu trắng, xanh đựng mì chính loại 25 kg/1 bao (C khai là mì chính Trung Quốc 1.100 kg).

+ 5.193 vỏ nilon có chữ AJINOMOTO (2.294 vỏ nilon loại 454g, 2.899 vỏ nilon loại 1 kg).

+ 12 vỏ bao xác rắn màu trắng, xanh có in 25 kg.

- + 05 chậu nhựa màu đỏ, có in chữ VIET NHAT PLASTIC.
- + 02 vỏ chai nhựa loại 1,5 lít, cắt làm đôi.
- + 01 cân đồng hồ màu xanh (cân đĩa) loại 05 kg có dập chữ nổi N.
- + 01 máy ép nhiệt màu xanh, có chữ TAN THANH. Các dụng cụ trên Đỗ Phúc C, Trần Thị N khai dùng để sản xuất mì chính giả AJINOMOTO.

Ngày 20/01/2024, chị Nguyễn Thị C2 đem giao nộp cho Cơ quan điều tra 397 gói mì chính AJINOMOTO giả, gồm 204 gói loại 454g, 193 gói loại 1 kg. Chị C2 đã bán ra thị trường 148 gói.

* Kết luận giám định số 529/KL-KTHS ngày 22/01/2024 của V Bộ C3, kết luận:

"Các gói ghi mì chính nhãn hiệu AJINOMOTO loại 454g/gói trong các mẫu (ký hiệu A1, A2, A4, A5) gửi giám định đều là hàng giả, đều không cùng loại với gói mì chính nhãn hiệu AJINOMOTO loại 454g/gói (ký hiệu M1) do Công ty A1 cung cấp làm mẫu so sánh.

Các gói ghi mì chính nhãn hiệu AJINOMOTO loại 1 kg/gói trong các mẫu (ký hiệu A1, A2, A5) gửi giám định đều là hàng giả, đều không cùng loại với gói mì chính nhãn hiệu AJINOMOTO loại 1 kg/gói (ký hiệu M2) do Công ty A3 cung cấp làm mẫu so sánh.

Các vỏ bao bì ghi mì chính nhãn hiệu AJINOMOTO loại 454g/gói trong các mẫu (ký hiệu A2, A3) gửi giám định đều là hàng giả, đều không cùng loại với vỏ bao bì ghi mì chính nhãn hiệu AJINOMOTO loại 454 g/gói (ký hiệu M3) do Công ty A3 cung cấp làm mẫu so sánh.

Các vỏ bao bì ghi mì chính nhãn hiệu AJINOMOTO loại 1 kg/gói trong các mẫu (ký hiệu A2, A3) gửi giám định đều là hàng giả, đều không cùng loại với vỏ bao bì ghi mì chính nhãn hiệu AJINOMOTO loại 1 kg/gói (ký hiệu M4) do Công ty A1 cung cấp làm mẫu so sánh".

* Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 01/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố T kết luận: *"Trị giá mì chính AJINOMOTO loại 454g: 721 gói x 33.000 đồng/gói = 23.793.000 đồng, trị giá mì chính AJINOMOTO loại 1 kg: 362 gói x 66.000 đồng/gói = 23.892.000 đồng. Tổng trị giá tài sản tại thời điểm tháng 01/2024 là 47.685.000 đồng".*

*** Cáo trạng số 26/CT-VKSTB ngày 07/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố Đỗ Phúc C, Trần Thị N về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm” theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Bộ luật Hình sự.**

* Tại phiên tòa:

- Bị cáo C, Nhài thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo đều trình bày do trước đó làm ăn thua lỗ phải bán nhà trả nợ, muốn phục hồi kinh tế để có tiền trang trải cuộc sống và nuôi hai con ăn học, thấy thời điểm cận tết nhu cầu người dân mua mì chính đi biếu, tặng tăng cao nên đã mua mì chính do Trung Quốc sản xuất để đóng gói vào các bao gói nhãn hiệu AJINOMOTO bán kiếm lời. Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình luận tội, giữ nguyên truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Phúc C, Trần Thị N phạm tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm”.

- Về hình phạt chính:

+ Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 193; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Phúc C từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 193; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm kể từ ngày tuyên án.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội vì vụ lợi nên đề nghị HĐXX xử phạt mỗi bị cáo phải nộp từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Công ty A1 không có yêu cầu bồi thường dân sự trong vụ án này nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy số mì chính giả, bao xác rắn, vỏ bao mì chính; 02 vỏ chai nhựa 1,5 lít cất đôi.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung ngân sách Nhà nước các tài sản các bị cáo dùng vào việc phạm tội còn giá trị sử dụng gồm: máy ép nhiệt, cân đồng hồ kèm đĩa cân, 05 chậu nhựa, 01 điện thoại gắn sim thu giữ của bị cáo C; 01 xe ô tô tải màu xanh biển số 17C-109.50 đã cũ kèm giấy tờ xe mang tên Đỗ Phúc C và số tiền chi C2 đã bán mì chính giả là 5.556.000 đồng.

- + Buộc bị cáo C phải trả lại chị Nguyễn Thị C2 số tiền chị C2 đã mua mì chính giả là 14.890.000 đồng;
- + Trả lại bị cáo Trần Thị N 01 điện thoại di động gắn sim;
- + Trả lại chị Nguyễn Thị C2 01 điện thoại di động gắn sim và số tiền 14.890.000 đồng.

Các bị cáo không tranh luận.

Nói lời sau cùng, các bị cáo đều rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, đây là lần đầu các bị cáo vi phạm pháp luật, các bị cáo có 02 con đang ăn học cần người nuôi dạy, chu cấp và chăm sóc, đề nghị Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng của pháp luật để các bị cáo tự cải tạo, phấn đấu trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản vụ việc do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T lập ngày 20/01/2024; Biên bản khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đỗ Phúc C lập ngày 20/01/2024; Kết luận giám định số 529/KL-KTHS ngày 22/01/2024 của V Bộ C3; Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 01/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố T; Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn Thị C2 (bút lục từ số 421 đến số D).

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Từ đầu tháng 01/2024 đến ngày 20/01/2024, Đỗ Phúc C có hành vi mua 1.825 kg mì chính do Trung Quốc sản xuất đóng bao loại 25 kg và nhiều vỏ gói mì chính giả nhãn hiệu AJINOMOTO cùng 01 máy ép nhiệt, 01 cân đồng hồ loại 05 kg có đĩa cân, 05

chậu nhựa, 02 vỏ chai nhựa loại 1,5 lít rồi cùng bị cáo Trần Thị N làm thành phẩm tổng số **1.083** gói mì chính AJINOMOTO giả tương đương giá trị hàng thật là 49.797.000 đồng rồi nhiều lần đem bán cho chị Nguyễn Thị C2 thu được 14.890.000 đồng. Chiều ngày 20/01/2024 khi Đỗ Phúc C đang tiếp tục bốc vác mì chính giả nhãn hiệu AJINOMOTO từ xe ô tô vào nhà bán cho chị Nguyễn Thị C2 thì bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu trên thùng xe ô tô 120 gói (02 bao) mì chính giả AJINOMOTO loại 454g/01 gói. Chị Nguyễn Thị C2 đã bán cho khách hàng 148 gói (96 gói loại 454g, 52 gói loại 1 kg), còn 397 gói (204 gói loại 454g, 193 gói loại 1 kg) giao nộp cho Cơ quan điều tra, thu tại chỗ ở của Đỗ Phúc C 418 gói mì chính AJINOMOTO giả (301 gói loại 454g, 117 gói loại 1 kg) và 64 gói mì chính AJINOMOTO giả loại 454g, chưa hàn nhiệt đầu gói, 44 bao xác rắn màu trắng, xanh đựng mì chính loại 25 kg/1 bao (C khai là mì chính Trung Quốc 1.100 kg), 5.193 vỏ nilon có chữ AJINOMOTO (2.294 vỏ nilon loại 454g, 2.899 vỏ nilon loại 1 kg), 12 vỏ bao xác rắn màu trắng, xanh có in 25 kg, 05 chậu nhựa màu đỏ, có in chữ VIET NHAT PLASTIC, 02 vỏ chai nhựa loại 1,5 lít, cắt làm đôi, 01 cân đồng hồ màu xanh (cân đĩa) loại 05 kg có dập chữ nổi Nhơn Hòa, 01 máy ép nhiệt màu xanh, có chữ TAN THANH. Các dụng cụ trên Đỗ Phúc C, Trần Thị N khai dùng để sản xuất mì chính giả AJINOMOTO.

Hành vi đó của các bị cáo đã phạm vào tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 193 Bộ luật Hình sự.

“Điều 193. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm

“1. Người nào sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

...”.

Cáo trạng số 26/CT-VKSTB ngày 07/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Đỗ Phúc C, Trần Thị N về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm” theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì động cơ tư lợi, các bị cáo đã cố ý xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế và chính sách quản lý thị trường của Nhà nước đồng thời xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đơn vị sản xuất và người tiêu dùng được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa loại tội phạm này.

[4] Đánh giá về vai trò đồng phạm, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn vì hai bị cáo là người cùng một nhà với quan hệ là vợ chồng nên không có sự bàn bạc, phân công từ trước mà vẫn đồng thuận về ý chí, hành động. Bị cáo N bản thân đang là công nhân may, ban đầu thấy việc làm không đúng của chồng, N có can ngăn C nhưng bị cáo C vẫn thực hiện hành vi phạm tội nên sau một thời gian thấy chồng làm một mình vất vả, với vai trò là vợ, N đã giúp sức C trong việc xúc mì chính cho vào gói để C hàn nhiệt miệng gói, hoàn thành việc đóng gói, đem đi tiêu thụ. Như vậy trong vụ án bị cáo Đỗ Phúc C có vai trò chính, bị cáo Trần Thị N có vai trò đồng phạm giúp sức thứ yếu.

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo C có bố để được tặng thưởng Huy chương kháng chiến, bị cáo N có bố để được tặng thưởng Huân chương chiến công, các bị cáo có trình độ văn hoá thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt:

Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo C phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo bị cáo thành công dân có ích. Bị cáo N mặc dù phạm tội nghiêm trọng nhưng là người giúp sức trong vụ án đồng phạm với vai trò không đáng kể, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, còn có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Hơn nữa nếu bắt cả hai bị cáo phải cách ly xã hội thì khó khăn cho các con của các bị cáo trong việc ăn học, vì vậy về hình phạt chính và biện pháp chấp hành hình phạt

cần xử phạt các bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật. Về hình phạt bổ sung xét các bị cáo phạm tội có thu lời bất chính nhưng hai bị cáo là người cùng một nhà có quan hệ vợ chồng, không có thu nhập ổn định, còn phải chu cấp cho các con đang đi học nên chỉ cần áp dụng hình phạt bổ sung đối bị cáo C, không áp dụng đối với bị cáo N là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Công ty A1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về dân sự trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

+ Cần tịch thu tiêu hủy số mì chính giả là tài sản không được sử dụng; bao xác rắn, vỏ bao mì chính, 02 vỏ chai nhựa 1,5 lít cắt đôi là các tài sản không còn giá trị sử dụng;

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước các tài sản các bị cáo dùng vào việc phạm tội còn giá trị sử dụng gồm: máy ép nhiệt, cân đồng hồ kèm đĩa cân, 05 chậu nhựa, 01 điện thoại gắn sim thu giữ của bị cáo C;

+ Trả lại bị cáo Đỗ Phúc C 01 xe ô tô tải màu xanh biển số 17C-109.50 đã cũ kèm giấy tờ xe mang tên Đỗ Phúc C;

+ Buộc chị C2 phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền chị C2 đã bán mì chính giả là 5.556.000 đồng;

+ Buộc bị cáo Đỗ Phúc C phải trả lại chị Nguyễn Thị C2 số tiền chị C2 đã mua mì chính giả là 14.890.000 đồng;

+ Trả lại bị cáo Trần Thị N 01 điện thoại di động gắn sim là tài sản không dùng vào việc phạm tội;

+ Trả lại chị Nguyễn Thị C2 01 điện thoại di động gắn sim và số tiền 14.890.000 đồng.

Là phù hợp với quy định của Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[8] Các vấn đề khác:

+ Đối với chị Nguyễn Thị C2 là người mua mì chính để bán kiếm lời: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Đỗ Phúc C khai không nói cho chị C2 biết số mì chính AJINOMOTO bán là giả, chị C2 không thể biết đó là mì chính AJINOMOTO giả nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

+ Đối với ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1960 trú tại tổ I phường B, thành phố T là người bán cho Đỗ Phúc C 73 bao mì chính Trung Quốc lấy 73.000.000 đồng: Nguồn gốc số mì chính này ông P mua của Công ty trách nhiệm hữu hạn

X tại số nhà C, phố Y, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội nhập khẩu từ Trung Quốc, có giấy tờ chứng minh, được phép bán trên thị trường nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí, quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Phúc C, Trần Thị N phạm tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm*”.

[2] Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 193; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Phúc C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 193; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị N 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/7/2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Phạt bổ sung đối với bị cáo Đỗ Phúc C số tiền 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Trần Thị N được miễn hình phạt bổ sung.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Công ty A1 không có yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án này nên không đặt ra xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 613 gói mì chính AJINOMOTO thành phẩm loại 454g/gói được niêm phong trong 11 bao xác rắn;

+ 299 gói mì chính AJINOMOTO thành phẩm loại 1kg, được niêm phong trong 10 bao xác rắn;

+ 05 gói mì chính AJINOMOTO thành phẩm loại 1kg và 05 gói mì chính AJINOMOTO thành phẩm loại 454g, được niêm phong trong 01 bao xác rắn;

+ 61 gói mì chính AJINOMOTO chưa hàn nhiệt đầu gói, loại 454g được niêm phong trong 01 hộp cát tông;

+ 43 bao xác rắn màu trắng, xanh đựng mì chính ghi 25kg;

+ 01 bao xác rắn màu trắng, xanh đựng mì chính ghi 25kg;

+ 1.177 vỏ nilon có in chữ AJINOMOTO (691 vỏ loại 454g, 486 vỏ loại 1kg) được niêm phong trong 01 bao xác rắn;

+ 3.994 vỏ nilon có in chữ AJINOMOTO (2.197 vỏ loại 454g, 1.797 vỏ loại 1kg) được niêm phong trong 01 thùng cát tông;

+ 12 vỏ bao xác rắn màu trắng, xanh có in 25kg.

+ 02 vỏ chai nhựa loại 1,5 lít cắt đôi.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 máy ép nhiệt màu xanh có chữ TAN THANH, 01 cân đồng hồ màu xanh loại 5kg, 01 đĩa cân có dập chữ nổi Nhơn Hòa, được niêm phong trong 01 thùng cát tông;

+ 05 chậu nhựa màu đỏ đáy chậu có in dòng chữ VIET NHAT PLATIC;

+ 01 điện thoại di động SAMSUNG màu đen đã cũ, có gắn 01 sim thuê bao số điện thoại 0862098465 của Đỗ Phúc C.

- Buộc chị Nguyễn Thị C2 phải nộp lại số tiền bán mì chính giá 5.556.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước (đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình).

- Trả bị cáo Đỗ Phúc C 01 xe ô tô tải màu xanh biển số 17C-109.50 đã cũ, 01 Giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô biển số 17C-109.50, 01 đăng ký xe ô tô biển số 17C-109.50, 01 giấy phép lái xe mang tên Đỗ Phúc C.

- Trả lại bị cáo Trần Thị N 01 điện thoại di động Samsung đã cũ có gắn sim thuê bao số điện thoại 0389162485.

+ Buộc bị cáo Đỗ Phúc C phải trả lại chị Nguyễn Thị C2 số tiền là 14.890.000 đồng (đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình).

+ Tuyên trả chị Nguyễn Thị C2 (tên gọi khác: D), sinh năm 1986; Địa chỉ: thôn N, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình 01 điện thoại di động OPPO màu vàng đã cũ, có gắn 01 sim thuê bao số điện thoại 0963528571 và số tiền 14.890.000 đồng do bị cáo C trả lại.

(Vật chứng đang được quản lý tại Cục thi hành án tỉnh Thái Bình theo Biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án lập ngày 07/5/2024).

Bị cáo C và chị C2 đã nộp 20.446.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình (theo Biên lai thu tiền số 0000210 ngày 01/4/2024 và số 0000216 ngày 02/4/2024).

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Đỗ Phúc C và Trần Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/7/2024. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Cơ quan Thi hành án hình sự, phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Thái Bình.
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hoàn